

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày 11-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Đặng Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh An H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Trần Hoàng Q, sinh năm 1993 (có mặt);
- Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2024.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2;

Địa chỉ: Số H B, ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trần Hoàng Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thông qua quen biết trong làm ăn, ông Trịnh An H với ông Nguyễn Văn T1 là Giám đốc Công ty TNHH T2 quen biết nhau rồi bắt đầu giao dịch mua bán với nhau. Loại hàng hóa mua bán là mua cát cung cấp cho công trình Tuyến số 05 Khu K. Bên ông H là bên bán, bên mua là Công ty TNHH T2.

Đến ngày 17 tháng 5 năm 2022, Công ty TNHH T2 xác nhận còn nợ lại ông H số tiền 294.850.000 đồng và hứa hẹn sẽ nhanh chóng trả tiền cho ông H. Sau nhiều lần ông H yêu cầu trả tiền thì phía Công ty TNHH T2 trả được một phần, còn nợ lại 83.850.000 đồng và hứa hẹn khi nào Công ty Đ đối tác của Công ty TNHH T2 thanh toán đủ cho Công ty TNHH T2 thì Công ty TNHH T2 sẽ trả đủ cho ông H.

Hiện tại ông H được biết Công ty Đ đã trả đủ số tiền cho Công ty TNHH T2 nên ông H có đến Công ty TNHH T2 và nhà riêng của ông T1 để yêu cầu trả tiền nhưng ông T1 không trả mà còn thách thức ông H đi kiện.

Nay ông Trịnh An H yêu cầu Công ty TNHH T2 trả số tiền 83.850.000 đồng. Ông Trịnh An H không yêu cầu tính tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông T1 thừa nhận Công ty TNHH T2 còn nợ tiền ông H nhưng chưa thống nhất đối với số tiền như ông H yêu cầu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc hòa giải không thành do bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH T2 trả cho ông Trịnh An H số tiền là 83.850.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông Trịnh An H không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Công ty TNHH T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Tranh chấp trong vụ án là giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh. Bị đơn có trụ sở tại ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc Công ty TNHH T2 còn nợ tiền mua bán cát của ông Trịnh An H là có thật, được ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 thừa nhận. Căn cứ văn bản đối chiếu công nợ ngày 17 tháng 5 năm 2022 thì Công ty TNHH T2 còn nợ ông Trịnh An H số tiền 294.850.000 đồng. Do Công ty TNHH T2 đã trả được tổng cộng 211.000.000 đồng nên ông Trịnh An H yêu cầu Công ty TNHH T2 trả tiếp số tiền còn thiếu là 83.850.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 thừa nhận số tiền còn nợ theo văn bản đối chiếu công nợ là 294.850.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận còn nợ tiền ông Trịnh An H nhưng không thống nhất về số tiền còn nợ. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu Công ty TNHH T2 cung cấp chứng cứ về việc trả tiền cho ông Trịnh An H nhưng Công ty TNHH T2 không cung cấp. Như vậy xem như Công ty TNHH T2 không chứng minh được số tiền đã trả cho ông Trịnh An H là bao nhiêu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh An H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty TNHH T2 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh An H số tiền 83.850.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Ông Trịnh An H không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Công ty TNHH T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.192.500 đồng.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh An H.

Buộc Công ty TNHH T2 trả cho ông Trịnh An H số tiền 83.850.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông Trịnh An H không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH T2 phải chịu 4.192.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trịnh An H số tiền 2.096.200 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0001337 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Khoa